TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: **24/2018**/HNGĐ-ST
Ngày **10/5/2018**
Về việc"Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

2. Bà **Phạm Thu Trang**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Huỳnh Thị Cẩm Ni** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2018/TLST- HNGĐ ngày 01/3/2018 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 16/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Thùy D (tên gọi khác M)** – sinh năm 1984 (Có mặt)

* *Bị đơn:* **Trần Ngọc M** – sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 78, tổ 02, ấp 2, xã Tân A, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Phạm Thị Thùy D trình bày:*** Chị D và anh Trần Ngọc M tự quen biết và chung sống với nhau vào ngày 15/5/2004 (Dương lịch), có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H A, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 28/4/2004. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 6 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M ham mê cờ bạc và có tình cảm với người phụ nữ khác và thường bỏ nhà đi không quan tâm gì đến cuộc sống của mẹ con chị D, từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống chị D đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh M không thay đổi từ đó hay có lời qua

tiếng lại thường xuyên cự cãi nhau và anh M bỏ đi làm ăn xa từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể chung sống với nhau được nữa. Vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2013 đến nay.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung:

1/ **Trần Thị Kim C**, sinh ngày 19/4/2005

2/ **Trần Cẩm T**, sinh ngày 29/3/2009

3/ **Trần Gia K**, sinh ngày 15/01/2011. Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện nay đang sống chung với chị D.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có.

Nay tại Tòa án chị D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Thùy D yêu cầu được ly hôn với anh Trần Ngọc M.

- *Về con chung:* Chị Phạm Thị Thùy D yêu cầu được nuôi tất cả các con không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Do anh Trần Ngọc M đã được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên anh Minh không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Anh Trần Ngọc M với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh M vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự "Tòa án triệu hợp lệ đến lần thứ hai bị đơn vẫn vắng mặt thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ". Xét thấy anh M đã được tống đạt, thông báo hợp lệ theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự; . Nhưng anh M vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh M là phù hợp với pháp luật.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh M là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau vào năm 2004 sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân A, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 28/4/2004 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị D là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng năm

2011 thì phát sinh mâu thuẫn, chị D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M ham mê cờ bạc và có tình cảm với người phụ nữ khác và thường bỏ nhà đi không quan tâm gì đến cuộc sống của mẹ con chị D, từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống chị D đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh D không thay đổi mà anh M còn bỏ đi làm ăn xa từ năm 2013 cho đến nay nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể chung sống với nhau được nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị D, cho chị D được ly hôn với anh M là phù hợp với pháp luật.

[4] **Về quan hệ con chung**: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 03 người con chung là Trần Thị Kim C, sinh ngày 19/4/2005; Trần Cẩm T, sinh ngày 29/3/2009; Trần Gia K, sinh ngày 15/01/2011. Hiện nay các cháu đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với chị D, chị D xác nhận hiện nay chị không có thai. Tại biên bản lấy lời khai của cháu C và cháu T có nguyện vọng xin được sống với mẹ là chị D. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định "*Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên khi ly hôn đối với con, nếu không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Ở đây nguyện vọng của cháu C và cháu T là được ở với mẹ, và tại phiên tòa hôm nay chị D yêu cầu được nuôi tất cả các con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị D và nguyện vọng của cháu C và cháu T. Tiếp tục giao các cháu Trần Thị Kim C, sinh ngày 19/4/2005; Trần Cẩm T, sinh ngày 29/3/2009; Trần Gia K, sinh ngày 15/01/2011 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung. Vì quyền lợi của con khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa miễn xét.

[6] Về án phí HNST: Buộc chị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010;

- Áp dụng Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 59, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thùy D đối với anh Trần Ngọc M. Cho chị Phạm Thị Thùy D được ly hôn với anh Trần Ngọc M.

2. Về quan hệ con chung: Chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị Phạm Thị Thùy D và ghi nhận nguyện vọng của hai cháu Trần Thị Kim C, sinh ngày 19/4/2005; Trần Cẩm T, sinh ngày 29/3/2009. Tiếp tục giao các cháu Trần Thị Kim C, sinh ngày 19/4/2005; Trần Cẩm T, sinh ngày 29/3/2009; Trần Gia K, sinh ngày 15/01/2011 cho chị Phạm Thị Thùy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Trần Ngọc M không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung. Vì quyền lợi của con khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí HNST: Buộc chị Phạm Thị Thùy D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007832 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị Phạm Thị Thùy D biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Trần Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp;*
- *Chi cục THADS huyện Tân H;*
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Tân A;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Kha